

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/DS-PT

Ngày: 13-12-2021.

V/v tranh chấp nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tổ Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLPT-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp nợ hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2021/DS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị X, sinh năm 1957; Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1967; Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị X trình bày:* Vào năm 2018, tôi có chơi hui do bà Nguyễn Thị Hồng P làm chủ hui. Đến ngày 19/8/2020 âm lịch, tôi được hốt hui, bà P thống nhất số tiền hui được hốt là 91.200.000 đồng, bà P đã trả cho tôi được 51.200.000 đồng (nhưng con của bà P có viết giấy giao cho tôi giữ ghi gửi trước

số tiền là 50.000.000 đồng), bà P còn nợ lại tôi số tiền là 40.000.000 đồng và hẹn đến ngày 25/7/2020 âm lịch sẽ trả đủ, nhưng sau đó bà P không trả.

Nay tôi yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng P trả cho tôi số tiền hội còn thiếu là 40.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính tiền lãi. Do bà P gặp khó khăn nên tôi đồng ý giảm bớt tiền nợ cho bà P là 5.000.000 đồng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 5 năm 2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:* Tôi là chủ hội, bà X là hội viên, bà Trương Thị X có tham gia 03 dây hội cụ thể như sau:

+ Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000 đồng, lên hội ngày 20/8/2017 ÂL, một tháng khai 02 lần (15 ngày khai hội một lần), gồm 73 phần hội, bà X tham gia 01 phần, phần hội này bà X đã hót, tôi đã giao đủ tiền hội cho bà X. Dây hội này bà X phải đóng hội chết cho tôi 06 kỳ là 6.000.000 đồng, nhưng bà X chưa đóng.

+ Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng khai hội, 01 tháng khai 02 lần (15 ngày khai hội một lần), gồm 50 phần, bà X tham gia 01 phần, phần hội này bà X đã hót, tôi đã giao đủ tiền hội cho bà X. Dây hội này bà X phải đóng hội chết cho tôi 04 kỳ là 4.000.000 đồng, nhưng bà X chưa đóng.

+ Dây hội thứ ba: Hội 2.000.000 đồng, mở ngày 10/4/2018 ÂL, một tháng khai 02 lần (15 ngày khai hội một lần), gồm 60 phần, bà X tham gia 01 phần. Phần hội này bà X đã tham gia và đóng hội được 56 kỳ (ở kỳ thứ 53 thì có 03 phần hội người khác ra tiền lãi 1.800.000 đồng hót hội, thì bà X phải đóng hội sống cho 03 kỳ cho đến kỳ thứ 56, mỗi kỳ là 200.000 đồng x 3 kỳ = 600.000 đồng, nhưng bà X chưa đóng). Đến ngày 25/6/2020 ÂL thì bà X ra tiền lời 1.800.000 đồng để hót hội ở kỳ thứ 56, tổng số tiền hội bà X được hót là 109.800.000 đồng. Bà X còn phải đóng 04 kỳ hội chết còn lại cho đến kỳ thứ 60, đóng mỗi kỳ 2.000.000 đồng x 4 kỳ = 8.000.000 đồng. Nên khi hót hội này thì bà X đồng ý trừ số tiền hội chết và hội sống mà bà X chưa đóng của cả 03 dây hội, tổng cộng là trừ số tiền 18.600.000 đồng (trong đó bao gồm trừ tiền hội chết 6.000.000 đồng của dây hội thứ nhất ngày 20/8/2017 ÂL; trừ hội chết 4.000.000 đồng của dây hội thứ hai; trừ luôn 04 kỳ hội chết 8.000.000 đồng và trừ 600.000 đồng của 03 kỳ hội sống còn nợ của 01 phần hội đang hót tại dây hội thứ ba). Như vậy, số tiền hội sau khi trừ cần nêu trên thì tôi phải giao tiền hội cho bà X là 91.200.000 đồng (trong 91.200.000 đồng này gồm lãi hội 40.000.000 đồng), nhưng tôi giao cho bà X được 51.200.000 đồng (trong giấy ghi hội giao ngày 01/7/2020 ÂL chỉ ghi số chẵn là 50.000.000 đồng). Còn lại số tiền hội tôi chưa giao cho bà X là 40.000.000 đồng, con gái của tôi tên Trần Thị Hồng N có ghi giấy nợ giùm, trong giấy ghi đến ngày 25/7/2020 ÂL sẽ trả đủ tiền 40.000.000 đồng cho bà X. Nhưng đến ngày 20/7/2020 ÂL thì tôi bị bế hội nên không còn khả năng trả tiền hội tiếp tục cho bà X.

Do bà X đã tham gia các dây hội do tôi làm chủ đã trên 10 năm, tôi đã giúp bà X có thêm thu nhập. Hiện nay hoàn cảnh gia đình của tôi khó khăn do bị bế hội các hội viên khác không trả cho tôi nên tôi không còn khả năng chi trả số tiền lời hội 40.000.000 đồng theo yêu cầu của bà X, tôi yêu cầu bà X cho tôi xin phần tiền lời hội còn lại 40.000.000 đồng này, xem như tôi không còn nợ bà X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị X.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trương Thị X số tiền là 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị X cho đến khi thi hành xong khoản tiền, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Hồng P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà X, bà đồng ý trả cho bà X $\frac{1}{2}$ số tiền mà bà X yêu cầu với số tiền là 17.500.000 đồng, hình thức trả là xin trả dần và yêu cầu được miễn, giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trương Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền hui còn thiếu là 35.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng P thuộc trường hợp kháng cáo quá hạn đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét chấp nhận kháng cáo quá hạn tại Quyết định số 12/2021/QĐ-PT ngày 14/10/2021. Do vậy, kháng cáo của bà P được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P thừa nhận bà là chủ hụi, bà Trương Thị X là hụi viên, từ ngày 20/8/2017 âm lịch đến ngày 25/6/2020 âm lịch thì bà Xinh có tham gia 03 dây hụi đúng như lời trình bày của bà tại phiên tòa sơ thẩm. Số tiền bà X đã hót phần hụi của dây hụi thứ ba là 109.800.000 đồng, khấu trừ 18.600.000 đồng tiền hụi chết thì bà phải giao cho bà X số tiền là 91.200.000 đồng, nhưng bà chỉ giao cho bà X số tiền 51.200.000 đồng, còn nợ 40.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền 40.000.000 đồng này bà cho rằng bà X đã tham gia chơi nhiều năm, nên đây là số tiền lãi hụi, do hụi bị bể, hiện nay bà còn nợ rất nhiều người nên không có khả năng trả cho bà X, ngoài việc bà X giảm nợ cho bà 5.000.000 đồng thì nay bà xin giảm thêm $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ, tức xin trả 17.500.000 đồng và xin trả dần.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trương Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền hụi còn thiếu là 35.000.000 đồng, không đồng ý giảm thêm số tiền bà P còn nợ và cũng không đồng ý cho việc bà P xin trả dần.

[2.3] Tại giấy biên nhận do bà X giao nộp có nội dung “*Hôm nay ngày 01/7/2020 âm lịch, số tiền hụi 91.200.000 đồng, tôi đưa trước 50.000.000 đồng. Còn lại 40.000.000 đồng đến ngày 25/7/2020 âm lịch sẽ trả đủ cho chị 4 anh*” (bút lục số 09).

[2.4] Căn cứ vào lời trình bày như đã nêu trên của các bên đương sự và căn cứ vào giấy biên nhận lập ngày 01/7/2020 âm lịch có cơ sở xác định bà P còn nợ tiền hụi bà X số tiền là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên bà X đồng ý giảm cho bà P 5.000.000 đồng, nên án sơ thẩm xét xử buộc bà P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà X số tiền nợ hụi 35.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường.

[2.5] Xét kháng cáo của bà P xin trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ bà X, tức xin trả 17.500.000 đồng và xin trả dần. Nhận thấy tại phiên tòa phúc thẩm bà Trương Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền hụi còn thiếu là 35.000.000 đồng, không đồng ý giảm thêm số tiền bà P còn nợ và cũng không đồng ý cho việc bà P xin trả dần. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà P, yêu cầu này của bà P sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[2.6] Xét kháng cáo của bà P xin miễn, giảm tiền án phí: nhận thấy bản án sơ thẩm buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 1.750.000 đồng (một triệu

bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được những căn cứ thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy kháng cáo này không được chấp nhận.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST, ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị X về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng P trả tiền nợ hui.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị X số tiền hui còn thiếu là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị X cho đến khi thi hành xong khoản tiền, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Hồng P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

- Nguyên đơn bà Trương Thị X thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009776 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tố Hương